

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**KHOA XÂY DỰNG**

**SỐ LIỆU BTVN MÔN: KẾT CẤU THÉP - CIE378**

**LỚP HỌC PHẦN: CIE 378G**

**GV HƯỚNG DẪN : Ths. PHẠM VIỆT HIẾU**

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP HỌC PHẦN	KÍCH THƯỚC		HOẠT TẢI $q_s^{tc}$ (kN/m <sup>2</sup> )	MÁC THÉP	QUE HÀN
						B (m)	L (m)			
1	172238892	Lê Văn Tuấn	Anh	1/1/1993	CIE378G	6,0	10,5	16,0	CCT34	N42
2	1820414767	Phạm Trâm	Anh	29/03/1993	CIE378G	6,5	11,0	16,5	CCT34	N42
3	1821414757	Lê Quang	Anh	18/05/1993	CIE378G	7,0	11,5	17,0	CCT34	N42
4	1921623512	Huỳnh Đức	Bảo	24/05/1995	CIE378G	7,5	12,0	17,5	CCT34	N42
5	1821414077	Nguyễn Việt	Cường	10/7/1994	CIE378G	8,0	12,5	18,0	CCT34	N42
6	1821414105	Trần Việt	Đan	22/12/1994	CIE378G	5,0	13,0	18,5	CCT38	N42
7	1821414073	Nguyễn Văn	Diệu	3/8/1992	CIE378G	5,5	10,5	19,0	CCT38	N42
8	2021418447	Nguyễn Văn	Đông	30/01/1995	CIE378G	6,0	11,0	19,5	CCT38	N42
9	1821416619	Phạm Ngọc	Đuẩn	25/05/1994	CIE378G	6,5	11,5	15,0	CCT38	N42
10	1821415220	Nguyễn Tây	Đức	22/08/1993	CIE378G	7,0	12,0	15,5	CCT38	N42
11	1821416201	Phạm Đức	Duy	9/7/1993	CIE378G	7,5	12,5	16,0	CCT42	N42
12	1921173863	Huỳnh Công Bảo	Duy	9/11/1995	CIE378G	8,0	13,0	16,5	CCT42	N42
13	1921162625	Nguyễn Xuân	Hải	8/2/1994	CIE378G	5,0	10,0	17,0	CCT42	N42
14	1921613372	Lê Nguyễn Quốc	Hải	24/04/1995	CIE378G	5,5	10,5	17,5	CCT42	N42
15	1821414754	Nguyễn Văn	Hảo	21/03/1994	CIE378G	6,0	11,0	18,0	CCT42	N42
16	1921619195	Nguyễn Văn	Hiệp	1/1/1991	CIE378G	6,5	11,5	18,5	CCT34	N46
17	1821413549	Trương Khánh	Hòa	9/1/1994	CIE378G	7,0	12,0	19,0	CCT34	N46
18	1821415213	Nguyễn Thanh	Hoài	11/7/1994	CIE378G	7,5	12,5	19,5	CCT34	N46
19	1821414753	Lê Phi	Hoàng	20/07/1993	CIE378G	8,0	13,0	15,0	CCT34	N46
20	1821414768	Phạm Thái	Hoàng	26/08/1994	CIE378G	5,0	10,0	15,5	CCT34	N46
21	1921613326	Nguyễn Quốc	Hội	23/06/1995	CIE378G	5,5	10,5	16,0	CCT38	N46
22	1821413844	Đào Thanh	Hùng	18/07/1994	CIE378G	6,0	11,0	16,5	CCT38	N46
23	1821416575	Hồ Văn	Hùng	22/10/1990	CIE378G	6,5	13,0	17,0	CCT38	N46
24	1921629062	Nguyễn Đình	Hùng	11/3/1995	CIE378G	7,0	10,0	17,5	CCT38	N46
25	1921162659	Nguyễn Quốc	Hưng	14/01/1994	CIE378G	7,5	10,5	18,0	CCT38	N46
26	1820414101	Nguyễn Thị Thanh	Hương	18/07/1993	CIE378G	5,0	11,0	18,5	CCT42	N46
27	1821413545	Lê Quang	Huy	20/05/1994	CIE378G	5,5	11,5	19,0	CCT42	N46
28	1821416200	Nguyễn Quang	Huy	20/07/1994	CIE378G	6,0	12,0	19,5	CCT42	N46
29	1921613388	Phạm Quang	Huy	12/4/1995	CIE378G	6,5	12,5	15,0	CCT42	N46
30	1821415834	Nguyễn Hoàng	Khánh	12/9/1994	CIE378G	7,0	13,0	15,5	CCT42	N46
31	1921621307	Nguyễn Anh	Kiệt	11/4/1994	CIE378G	7,5	10,0	16,0	CCT34	N42
32	1821614048	Trần Hữu	Lên	29/08/1993	CIE378G	8,0	11,5	16,5	CCT34	N42
33	1921613409	Phạm Quang	Lìn	10/2/1995	CIE378G	5,0	12,0	17,0	CCT34	N42
34	1921613354	Phan Phước	Lĩnh	15/02/1994	CIE378G	5,5	12,5	17,5	CCT34	N42
35	1821415838	Lê Quang	Lợi	18/07/1990	CIE378G	6,0	13,0	18,0	CCT34	N42
36	172237438	Trương Văn	Mạnh	6/4/1993	CIE378G	6,5	10,5	18,5	CCT38	N42
37	1921613325	Lê Hoà	Nam	25/06/1995	CIE378G	7,0	11,0	19,0	CCT38	N42
38	1921613438	Mai Đại	Nghĩa	15/02/1995	CIE378G	7,5	11,5	19,5	CCT38	N42
39	1820416422	Nguyễn Cửu Thanh	Nhàn	1/6/1993	CIE378G	8,0	12,0	15,0	CCT38	N42
40	1921618138	Trương Trọng	Nhân	27/12/1994	CIE378G	5,0	12,5	15,5	CCT38	N42
41	1911120808	Huỳnh Minh	Nhật	24/10/1995	CIE378G	5,5	13,0	16,0	CCT42	N42
42	1920619048	Dương Phú	Nhật	2/10/1994	CIE378G	6,0	10,0	16,5	CCT42	N42
43	1821413532	Trần Anh Tân	Phát	1/12/1994	CIE378G	6,5	10,5	17,0	CCT42	N42
44	172237457	Nguyễn Thanh	Phú	28/09/1993	CIE378G	7,0	11,0	17,5	CCT42	N42
45	1821414092	Bùi Trường	Phúc	16/03/1993	CIE378G	7,5	11,5	18,0	CCT42	N42
46	1921623516	Nguyễn Đình	Phúc	5/8/1995	CIE378G	8,0	12,0	18,5	CCT34	N42
47	1921623468	Tống Nguyên	Phước	12/2/1995	CIE378G	5,0	12,5	19,0	CCT34	N42
48	1921629440	Nguyễn Văn	Phước	11/3/1995	CIE378G	5,5	13,0	19,5	CCT34	N42
49	1920627856	Bùi Thị Mai	Phương	8/5/1995	CIE378G	6,0	10,0	15,0	CCT34	N42
50	1921619482	Trần Minh	Quân	27/03/1995	CIE378G	6,5	10,5	15,5	CCT34	N42

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**KHOA XÂY DỰNG**

**SỐ LIỆU BTVN MÔN: KẾT CẤU THÉP - CIE378**

**LỚP HỌC PHẦN: CIE 378G**

**GV HƯỚNG DẪN : Ths. PHẠM VIỆT HIẾU**

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP HỌC PHẦN	KÍCH THƯỚC		HOẠT TẢI $q_s^{tc}$ (kN/m <sup>2</sup> )	MÁC THÉP	QUE HÀN
						B (m)	L (m)			
51	1821413838	Trần Xuân	Quang	15/11/1994	CIE378G	7,0	11,0	16,0	CCT38	N42
52	1821414099	Lê Tư	Quang	25/11/1993	CIE378G	7,5	13,0	16,5	CCT38	N42
53	1921610954	Trần	Quang	5/9/1994	CIE378G	5,0	10,0	17,0	CCT38	N42
54	1821414752	Nguyễn Hữu	Quốc	22/02/1994	CIE378G	5,5	10,5	17,5	CCT38	N42
55	1921623503	Nguyễn Anh	Quốc	20/02/1995	CIE378G	6,0	11,0	18,0	CCT38	N42
56	1921623523	Từ Văn	Quốc	17/10/1994	CIE378G	6,5	11,5	18,5	CCT42	N42
57	1921613407	Phan Xuân	Quý	1/6/1995	CIE378G	7,0	12,0	19,0	CCT42	N42
58	1921613351	Phan Tăng	Quyết	16/02/1995	CIE378G	7,5	11,5	19,5	CCT42	N42
59	1921633971	Bach Văn	Sang	25/07/1995	CIE378G	8,0	12,0	15,0	CCT42	N42
60	1821414081	Trần Vũ Tuấn	Sinh	8/1/1994	CIE378G	8,0	12,5	15,5	CCT42	N42
61	1921613403	Nguyễn Thành	Tài	17/06/1995	CIE378G	5,0	13,0	16,0	CCT34	N46
62	1921616527	Nguyễn Bá	Thắng	24/08/1995	CIE378G	5,5	10,0	16,5	CCT34	N46
63	1821413543	Lương Văn	Thành	28/10/1993	CIE378G	6,0	10,5	17,0	CCT34	N46
64	1821615639	Nguyễn Tiên	Thành	22/05/1991	CIE378G	6,5	11,0	17,5	CCT34	N46
65	1820415210	Huỳnh Kim Ý	Thảo	2/8/1994	CIE378G	7,0	10,0	18,0	CCT34	N46
66	1921623499	Nguyễn Minh	Thieu	13/05/1994	CIE378G	7,5	12,5	18,5	CCT38	N46
67	1821415650	Trần Duy	Thịnh	3/9/1993	CIE378G	8,0	13,0	19,0	CCT38	N46
68	1921619654	Nguyễn Trần Hoàng	Thông	20/11/1995	CIE378G	5,0	10,0	19,5	CCT38	N46
69	1921623473	Nguyễn Trường	Thông	14/08/1995	CIE378G	5,5	10,5	15,0	CCT38	N46
70	1921619162	Phan Thanh	Tiên	28/08/1995	CIE378G	6,0	11,0	15,5	CCT38	N46
71	1921618978	Đoàn Anh	Tim	6/5/1993	CIE378G	6,5	10,0	16,0	CCT42	N46
72	1821414075	Võ Thiện	Trí	17/05/1994	CIE378G	7,0	10,5	16,5	CCT42	N46
73	1921613357	Trương Văn	Trí	4/10/1995	CIE378G	7,5	11,0	17,0	CCT42	N46
74	1921623485	Hồ Sỹ	Trí	7/7/1995	CIE378G	8,0	11,0	17,5	CCT42	N46
75	1921634023	Võ Minh	Trí	25/01/1995	CIE378G	8,0	11,5	18,0	CCT42	N46
76	1821415196	Lê Văn	Triều	16/08/1994	CIE378G	5,0	12,0	18,5	CCT34	N42
77	1921620869	Phan Ngọc	Trương	15/03/1994	CIE378G	5,5	12,5	19,0	CCT34	N42
78	1821414090	Huỳnh Anh	Tú	25/05/1993	CIE378G	6,0	13,0	19,5	CCT34	N42
79	1921611329	Phan Văn	Tuân	6/11/1992	CIE378G	6,5	10,0	15,0	CCT34	N42
80	1920623506	Ta Tấn	Tuấn	10/9/1995	CIE378G	7,0	10,5	15,5	CCT34	N42
81	1921613333	Nguyễn Trương Minh	Tuấn	26/02/1995	CIE378G	7,5	11,0	16,0	CCT38	N42
82	1921618931	Phan Công	Tuấn	18/06/1995	CIE378G	8,0	10,0	16,5	CCT38	N42
83	1821415218	Phan Thanh	Tùng	14/10/1993	CIE378G	5,0	11,5	17,0	CCT38	N42
84	1921612689	Lê Sơn Khánh	Tùng	24/12/1993	CIE378G	8,0	11,5	17,5	CCT38	N42
85	1821414769	Nguyễn Tấn	Úc	2/3/1993	CIE378G	5,0	12,0	18,0	CCT38	N42
86	1821414086	Trần Đình Hoàng	Vũ	26/06/1994	CIE378G	5,5	12,5	18,5	CCT42	N42
87	1921613453	Trương Anh	Vũ	4/2/1995	CIE378G	6,0	13,0	19,0	CCT42	N42
88	1821414085	Vũ Đình Lu	Y	25/08/1993	CIE378G	6,5	10,0	19,5	CCT42	N42
89					CIE378G	7,0	10,5	15,0	CCT42	N42
90					CIE378G	7,5	11,0	15,5	CCT42	N42